

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường tiểu học Khánh Trung B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương:822

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Trung, ngày 05 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Khánh Trung B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,491,006,000	916,260,732	20.40%	102.09%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	257,100,200	247,350,200	96.21%	317.39%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Khánh Trung, ngày 05 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Ba

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH
THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 Năm 2025**

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	12							247.350.200		247.350.200
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112					107.850.200		107.850.200
Tài sản và thiết bị chuyên dùng			6954					139.500.000		139.500.000
Kinh phí được giao tự chủ, giao khoán	13						916.260.732	3.417.829.714	916.260.732	3.417.829.714
Lương theo ngạch, bậc			6001				469.365.247	1.398.791.044	469.365.247	1.398.791.044
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				21.067.574	82.820.402	21.067.574	82.820.402
Phụ cấp chức vụ			6101				9.827.940	29.015.880	9.827.940	29.015.880
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6105					166.467.600		166.467.600
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107				1.404.000	4.212.000	1.404.000	4.212.000
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				150.266.500	445.507.200	150.266.500	445.507.200
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				7.020.000	21.060.000	7.020.000	21.060.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6115				74.092.659	218.891.353	74.092.659	218.891.353
Phụ cấp khác			6149				2.246.400	12.916.800	2.246.400	12.916.800
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị			6254					14.000.000		14.000.000
Chi khác			6299				4.001.980	80.801.980	4.001.980	80.801.980
Bảo hiểm xã hội			6301				98.951.863	295.546.553	98.951.863	295.546.553
Bảo hiểm y tế			6302				17.066.726	50.768.686	17.066.726	50.768.686
Kinh phí công đoàn			6303					18.119.000		18.119.000
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				5.688.910	17.673.423	5.688.910	17.673.423
Tiền điện			6501				4.043.633	12.803.567	4.043.633	12.803.567

Vật tư văn phòng khác		6599				14.125.300	100.531.926	14.125.300	100.531.926
Tuyên truyền; quảng cáo		6606					5.500.000		5.500.000
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện		6608					1.960.000		1.960.000
Khác		6649				648.000	3.581.000	648.000	3.581.000
Thuê lao động trong nước		6757				15.000.000	45.000.000	15.000.000	45.000.000
Chi phí thuê mướn khác		6799					42.300.000		42.300.000
Nhà cửa		6907					137.271.000		137.271.000
Các thiết bị công nghệ thông tin		6912					30.610.000		30.610.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		6949					2.432.400		2.432.400
Chi mua hàng hoá, vật tư		7001					62.100.000		62.100.000
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động		7004					2.000.000		2.000.000
Chi khác		7049				21.444.000	75.509.440	21.444.000	75.509.440
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		7053					14.698.000		14.698.000
Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn		7903					24.940.460		24.940.460
Cộng:						916.260.732	3.665.179.914	916.260.732	3.665.179.914

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Đào

Khánh Trung, ngày 05 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Ba